TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Chiếm.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Mai T; sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 309/9 Nguyễn Huỳnh Đ, phường K, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng P; sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 105/22 Trần Văn Đ, phường K, tỉnh T.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phùng Thị Mai T trình bày:

Bà và ông Võ Hoàng P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được UBND phường T, thành phố T, tỉnh L (nay là phường K, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/10/2022. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông P không lo làm ăn lại thường

xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc còn đánh đập, dọa sẽ giết bà nên làm cho bà cảm thấy rất sợ hãi và thấy rất nhiều áp lực trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Do đó, bà nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài và hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Hoàng P.

Về con chung: bà và ông P không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phùng Thị Mai T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Hoàng P đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Phiên tòa hôm nay, ông P cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Phùng Thị Mai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà T và ông P là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị Mai T và ông Võ Hoàng P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà T và ông P có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà T có yêu cầu ly hôn. Theo kết quả xác minh của công an phường T, thành phố T, tỉnh L (nay là phường K, tỉnh T) thì hiện ông P vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ số 105/22 Trần Văn Đ, phường T, thành phố T, tỉnh L (nay là phường K, tỉnh T). Như vậy cho thấy ông P vẫn biết việc bà T có yêu cầu ly hôn nhưng ông P vẫn không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để về chung sống với bà T. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bà Phùng Thị Mai T nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Hoàng P có địa chỉ cư trú ở phường T, thành phố T, tỉnh L (nay là phường K, tỉnh T) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L (nay là Tòa án nhân dân Khu vực A - T).

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Mai T và ông Võ Hoàng P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh L (nay là phường K, tỉnh T) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông P không chăm lo làm ăn lại thường xuyên tham gia các tệ nạn xã hội, lại còn đánh đập, dọa sẽ giết bà làm cho bà vô cùng sợ hãi và áp lực trong cuộc sống. Bà T và ông P đã ly thân từ đầu năm 2024. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông P không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông P đã biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông P đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà T và ông P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phùng Thị Mai T và ông Võ Hoàng P.

2. Về án phí*:* Bà Phùng Thị Mai T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001398 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực A - T).

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực A - T;
- Chi cục Khu vực A - T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chiếm – Nguyễn Huỳnh Điệp **Lê Thị Tố Loan**